

# KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VỀ XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ YÊN HÒA, HÀ NỘI NĂM 2018

Nguyễn Thị Hoàng Ngân<sup>1</sup>, Lưu Liên Hương<sup>2</sup>, Trịnh Khánh Linh<sup>2</sup>  
Đào Anh Sơn<sup>2</sup>✉, Nguyễn Thị Thúy Hạnh<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Yên Bái

<sup>2</sup>Viện Đào tạo YHDP &YTCC - Trường Đại học Y Hà Nội

*Nghiên cứu về kiến thức, thái độ về xâm hại tình dục (XHTD) trẻ em của học sinh (HS) trường trung học cơ sở (THCS) Yên Hòa, Hà Nội năm 2018. Nghiên cứu mô tả cắt ngang bằng phiếu phỏng vấn tự điền trên 440 HS khối 6, 7, 8 trường THCS Yên Hòa, Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy trong 440 HS tham gia nghiên cứu có 33,5% HS nam và 41,7% HS nữ có kiến thức đầy đủ về hành vi XHTD trẻ em; 36,8% HS nam và 59,8% HS nữ có kiến thức đầy đủ về xử trí khi bị XHTD; 63,7% đến 87,3% HS nữ và 47% đến 73,7% HS nam có thái độ đúng đối với các quan điểm về XHTD trẻ em được đưa ra. Nhìn chung HS nữ có kiến thức và thái độ về XHTD trẻ em tốt hơn HS nam ( $p < 0,05$ ). Nghiên cứu cho thấy Học sinh trường THCS Yên Hòa có thái độ về XHTD khá tốt song kiến thức về XHTD còn hạn chế, cần có các chương trình giáo dục nâng cao kiến thức, thái độ phòng tránh XHTD cho HS.*

**Từ khóa:** Xâm hại tình dục trẻ em, trung học cơ sở, học sinh, kiến thức, thái độ.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay XHTD trẻ em đang là vấn đề báo động tại Việt Nam cũng như đối với nhiều quốc gia trên thế giới. Ước tính trung bình cứ 5 trẻ em thì lại có 1 trẻ em bị XHTD;<sup>1</sup> 66% - 93% vụ XHTD gây ra bởi chính những người mà trẻ quen biết<sup>2,3</sup> và nạn nhân tập trung nhiều nhất là nhóm trẻ em THCS 12 – 14 tuổi.<sup>1</sup> Thủ phạm XHTD thực hiện hành vi xâm hại có tiếp xúc thân thể hoặc không tiếp xúc thân thể với trẻ hoặc không chỉ là một hình thức cố định duy nhất<sup>4,5</sup>; thông qua việc dụ dỗ, ép buộc hoặc đe dọa.<sup>6</sup> Chính vì vậy, nhiều trẻ em không biết rằng mình đang bị XHTD hoặc bị XHTD mà không dám tiết lộ<sup>7</sup> và phải gánh chịu các hậu quả về

thể chất và tâm lý nghiêm trọng.<sup>2,3,8</sup> Tỷ lệ có kiến thức, thái độ đúng về XHTD ở học sinh còn thấp. Nghiên cứu của Đỗ Mai Oanh, trên 217 nữ sinh trung học cơ sở huyện Trực Ninh, Nam Định năm 2014 cho thấy chỉ có 34,2% học sinh nhận biết đầy đủ các hành vi XHTD và 65,5% học sinh nhận biết đúng ít nhất 1 trong các hành vi XHTD.<sup>9</sup> Trong khi đó, khảo sát của Dự án 'Lớn lên an toàn' (năm 2017), trên 133 trẻ (lớp 6 và 7) vùng đảo Cát Bà, Hải Phòng (51% nữ) chỉ có 12% học sinh biết được đầy đủ các biểu hiện XHTD trẻ em.<sup>10</sup> Giáo dục kiến thức – thái độ phòng chống XHTD cho trẻ em lứa tuổi THCS ở nước ta còn khá hạn chế do những rào cản về văn hóa, kinh tế và xã hội. Để góp phần vào xây dựng các chương trình giáo dục kiến thức – thái độ phòng chống XHTD phù hợp cho đối tượng nghiên cứu nói riêng và trẻ em độ tuổi THCS trên cả nước nói chung, nghiên cứu “Kiến thức, thái độ về xâm hại tình dục trẻ em

Tác giả liên hệ: Đào Anh Sơn, Viện Đào tạo YHDP & YTCC - Trường Đại học Y Hà Nội

Email: anhson.hmu@gmail.com

Ngày nhận: 05/02/2019

Ngày được chấp nhận: 11/05/2020

của học sinh trường trung học cơ sở Yên Hòa, Hà Nội năm 2018” được thực hiện với mục tiêu:

1. Mô tả kiến thức về xâm hại tình dục trẻ em của học sinh trường trung học cơ sở Yên Hòa, Hà Nội năm 2018.

2. Mô tả thái độ về xâm hại tình dục trẻ em của học sinh trường trung học cơ sở Yên Hòa, Hà Nội năm 2018.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

### 1. Đối tượng

HS khối 6, 7, 8 trường THCS Yên Hòa, Hà Nội.

### 2. Phương pháp

*Thiết kế nghiên cứu:* Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

*Thời gian nghiên cứu:* Từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 6 năm 2018, thời gian thu thập số liệu từ tháng 2 đến tháng 4 năm 2018.

*Cỡ mẫu và chọn mẫu:* N Sử dụng công thức tính cỡ mẫu áp dụng cho việc ước tính một tỷ lệ trong quần thể:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{(\epsilon \times p)^2}$$

Trong đó:

n: là cỡ mẫu nghiên cứu

$\alpha = 0,05$  (tương ứng với độ tin cậy 95%).

$Z_{1-\alpha/2} = 1,96$

Khoảng sai lệch mong muốn  $\epsilon = 0,1$ .

$p = 0,486$  (dựa trên tỉ lệ học sinh nhận biết đúng các biểu hiện của hành vi xâm hại tình dục theo khảo sát của Dự án “Lớn lên An toàn” về Phòng chống XHTD trẻ em tại Việt Nam năm 2017<sup>10</sup>).

Cỡ mẫu dự kiến là 407. Thực tế có 440 HS tham gia vào nghiên cứu.

Chọn mẫu 2 giai đoạn. Giai đoạn 1: Chọn lớp học: Chọn ngẫu nhiên từ mỗi khối 3 lớp học. Giai đoạn 2: Chọn học sinh: Chọn toàn bộ HS từ các lớp đã chọn vào nghiên cứu.

*Công cụ và kỹ thuật thu thập thông tin:*

Phiếu phỏng vấn tự điền tham khảo nghiên cứu đánh giá kiến thức, thái độ về XHTD của học sinh cấp 2 tại Nigeria<sup>11</sup> năm 2016. Bộ câu hỏi có 3 phần. Trong đó:

Phần 1: Thông tin chung của ĐTN

Phần 2: Kiến thức của HS về nhận biết XHTD trẻ em và cách xử trí khi bị XHTD: gồm 19 câu hỏi.

Phần 3: Thái độ của HS về XHTD trẻ em: gồm 8 câu hỏi.

### 3. Xử lý số liệu

Tiêu chuẩn đánh giá:

Đánh giá kiến thức về hành vi XHTD trẻ em và kiến thức xử trí khi bị XHTD đánh giá trên 3 mức độ.

Kiến thức đầy đủ: HS có đầy đủ các đáp án đúng. Kiến thức chưa đủ: HS trả lời thiếu ít nhất 1 đáp án đúng. Chưa có kiến thức: HS không có đáp án nào đúng.

Thái độ của HS đối với 8 ý kiến/quan điểm về XHTD trẻ em đánh giá trên 3 mức độ: thái độ đúng: Học sinh chọn đáp án rất không đồng ý hoặc không đồng ý với tất cả quan điểm/ý kiến đưa ra; thái độ chưa rõ: Học sinh chọn đáp án không biết/không ý kiến với từ 2 quan điểm/ý kiến đưa ra trở lên.; thái độ không đúng Học sinh chọn đáp án đồng ý/rất đồng ý với 2 quan điểm/ý kiến đưa ra trở lên.

Số liệu được nhập bằng phần mềm EpiData 3.1. Phân tích số liệu bằng phần mềm STATA 12.0. Sử dụng trung bình và tỷ lệ để mô tả các biến số nghiên cứu. Sử dụng kiểm định Khi bình phương và kiểm định Fisher để so sánh sự khác biệt.

### 4. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành có sự đồng thuận bằng việc kí tên xác nhận vào Phiếu đồng ý tham gia nghiên cứu của 4 bên: Ban Giám Hiệu trường THCS Yên Hòa, giáo viên chủ nhiệm lớp, phụ huynh học sinh có trẻ em học tập tại các lớp học được chọn và các em

học sinh trực tiếp tham gia vào nghiên cứu. Nghiên cứu viên cam kết bảo mật thông tin của ĐTNC và kết quả nghiên cứu chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học. Kết quả nghiên cứu được báo cáo phản hồi cho Trường Đại học Y Hà Nội và Ban Giám Hiệu trường THCS Yên Hòa, Hà Nội.

### III. KẾT QUẢ

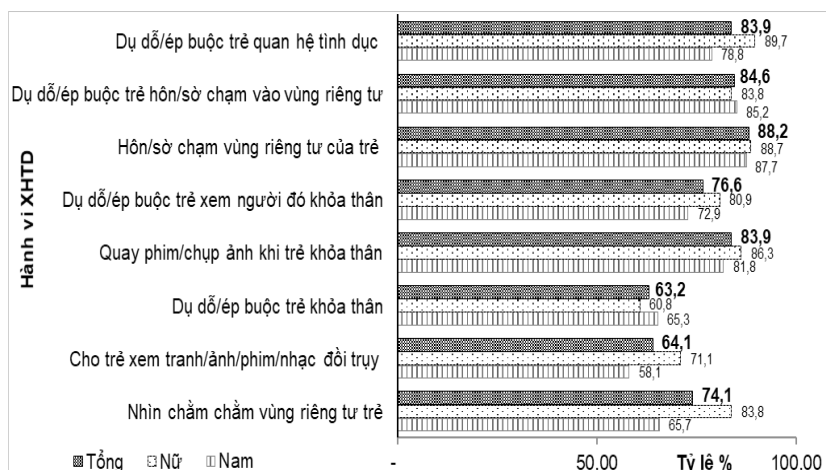
#### 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu

**Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu**

Thông tin chung		Nam (n = 236)	Nữ (n = 204)	Tổng (n = 440)
		n (%)	n (%)	n (%)
Tuổi	11 – 13	173 (55,8)	137 (44,2)	310 (100)
	14 – 15	63 (48,5)	67 (51,5)	130 (100)
Khối	6	91 (56,9)	69 (43,1)	160 (100)
	7	84 (53,8)	72 (46,2)	156 (100)
	8	61 (49,2)	63 (50,8)	124 (100)
Sống với ai	Cả bố và mẹ	210 (55,0)	172 (45,0)	382 (100)
	Chỉ sống với mẹ	16 (45,7)	19 (54,3)	35 (100)
	Chỉ sống với bố	3 (33,3)	6 (66,7)	9 (100)
	Khác	7 (50,0)	7 (50,0)	14 (100)

Bảng 1 cho thấy, trong số 440 HS tham gia nghiên cứu: HS nam nhiều hơn HS nữ (chiếm 53,6%), độ tuổi chủ yếu từ 11 đến 13 tuổi (chiếm 70,5%); HS khối 6 chiếm ưu thế (chiếm 36,3%) và phần lớn HS hiện đang sống với cả bố và mẹ (chiếm 86,8%).

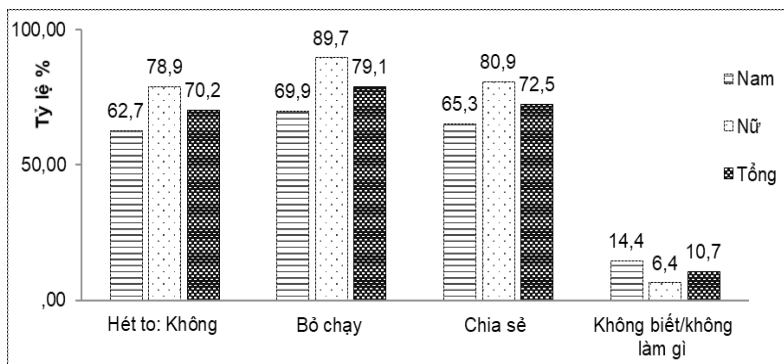
#### 2. Kiến thức của học sinh về xâm hại tình dục trẻ em



**Biểu đồ 1. Tỷ lệ học sinh có kiến thức đúng về hành vi XHTD trẻ em (n = 440)**

Biểu đồ 1 thể hiện kiến thức của học sinh về các hành vi XHTD trẻ. Phần lớn HS tham gia có kiến thức đúng về 8 hành vi XHTD (chiếm tỷ lệ 63,2% đến 88,2%). Trong đó, hành vi XHTD là “Hôn/sờ

chạm vào vùng riêng tư của trẻ em” được HS biết đến nhiều nhất (chiếm tỷ lệ 88,2%) bên cạnh hành vi XHTD được HS biết đến ít nhất là “Dụ dỗ/ép buộc trẻ em khóa thân” (chiếm tỷ lệ 63,2%).



**Biểu đồ 2. Tỷ lệ học sinh có kiến thức đúng về xử trí khi bị XHTD (n = 440)**

Biểu đồ 2 mô tả kiến thức của học sinh về xử trí trong trường hợp bị XHTD với 03 biện pháp phòng chống XHTD là “Hết to: Không, Bỏ chạy, Chia sẻ”. Trên 70% HS tham gia có kiến thức đúng về các biện pháp xử trí phòng XHTD theo các tiêu chí đánh giá khác nhau (chiếm 70,2% đến 79,1% tổng số học sinh). Cụ thể, biện pháp xử trí là “Bỏ chạy” có tỷ lệ HS có kiến thức đúng nhiều nhất với 79,1%; theo sau là biện pháp xử trí “Chia sẻ” với 72,5% HS có kiến thức đúng. Còn lại HS “Không biết/không làm gì” chiếm tỷ lệ 10,7%.

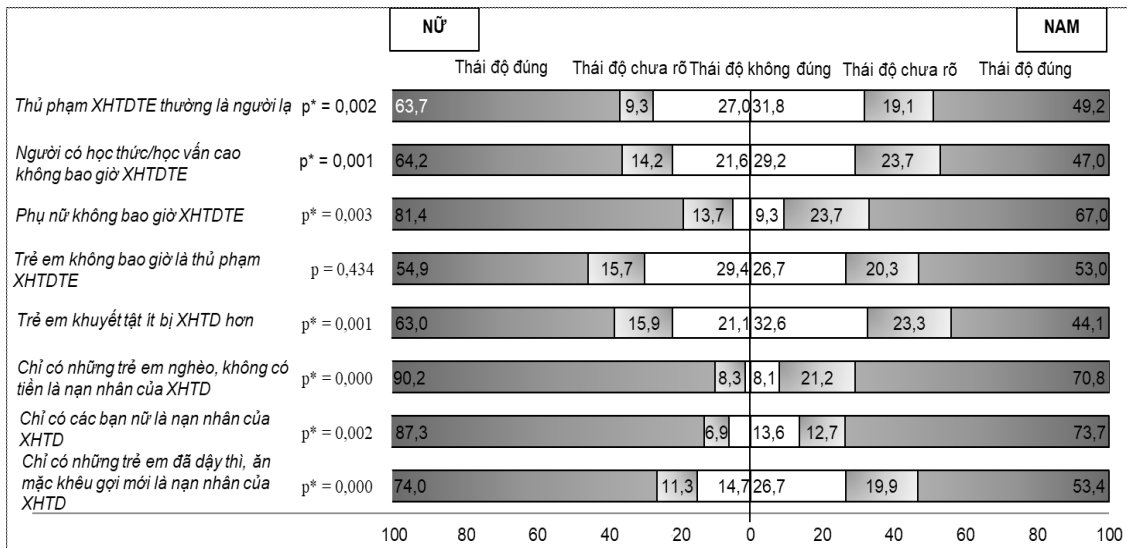
**Bảng 2. Kiến thức chung của học sinh về XHTD trẻ em theo giới tính**

Nội dung kiến thức về XHTD trẻ em	Nam (n = 236)	Nữ (n = 204)	P	
	n (%)	n (%)		
Hành vi XHTD	Kiến thức đầy đủ	79 (33,5)	85 (41,7)	0,161
	Chưa đầy đủ	147 (62,3)	114 (55,9)	
	Chưa có kiến thức	10 (4,2)	5 (2,4)	
Xử trí khi bị XHTD	Kiến thức đầy đủ	87 (36,8)	122 (59,8)	0,000*
	Chưa đầy đủ	80 (33,9)	47 (23,0)	
	Chưa có kiến thức	69 (29,2)	35 (17,2)	

Bảng 2 đánh giá chung kiến thức của học sinh về hành vi XHTD và xử trí khi bị XHTD trên 3 mức độ cho thấy: Về hành vi XHTD, tỷ lệ HS nữ có kiến thức đầy đủ về 8 hành vi XHTD trẻ em cao hơn so với HS nam; Về xử trí khi bị XHTD, HS nữ có kiến thức tốt hơn so với HS nam và sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ .

### 3. Thái độ của học sinh về xâm hại tình dục trẻ em

Biểu đồ 3 thể hiện thái độ của học sinh về XHTD trẻ em là thái độ đối với 8 quan điểm về XHTD trẻ em đánh giá theo 3 mức độ Thái độ đúng, Thái độ chưa rõ, Thái độ không đúng giữa 2 giới: HS nữ có thái độ đúng cao hơn so với học sinh nam ở 7/8 quan điểm về XHTD trẻ em đưa ra và sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ .



Biểu đồ 3. Thái độ của học sinh về XHTD trẻ em theo giới tính (n = 440)

#### IV. BÀN LUẬN

Nội dung kiến thức, thái độ về XHTD trẻ em trong khảo sát của chúng tôi khá tương đồng với một số khảo sát đánh giá kiến thức, thái độ của trẻ em về XHTD được thực hiện trước đây ở các vùng địa lý, kinh tế, xã hội khác nhau trên thế giới.<sup>7,12-15</sup>

Kiến thức của học sinh về các hành vi XHTD trẻ em: Tỷ lệ học sinh có kiến thức đúng về các hành vi XHTD có tiếp xúc thân thể cao hơn so với các hành vi XHTD không tiếp xúc thân thể. Điều này có thể lý giải do quan niệm rằng XHTD trẻ em phải là các hành vi có sờ chạm vào bộ phận sinh dục hoặc QHTD với trẻ em mà lại thường bỏ qua những hành vi XHTD không sờ chạm như nhìn chằm chằm vào vùng kín của trẻ hay dụ dỗ, ép buộc trẻ xem tranh, ảnh, phim nội dung đồi trụy hoặc quay phim, chụp ảnh khi trẻ khóa thân...

Bên cạnh đó, khi so sánh kết quả với nghiên cứu của tác giả Chigozirim Nlewem (2016, tại Nigeria) và khảo sát R Dzimadzi (2007, tại Malawi) cho thấy kết quả thu được trong khảo sát của chúng tôi có tỷ lệ HS có kiến thức đúng cao hơn ở 4 hành vi (Bảng 3).<sup>14,16</sup> Có thể lý giải do nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện trong thời điểm XHTD trẻ em đang là vấn đề trong xã hội, được truyền thông rộng rãi trên tivi, mạng internet... nên các em có thể đã được tiếp cận nhiều hoặc được gia đình, nhà trường cảnh báo. Tuy nhiên, hành vi XHTD gây hậu quả rất nghiêm trọng đó là “Dụ dỗ/ép buộc trẻ em quan hệ tình dục” lại có tỷ lệ học sinh biết đúng ít hơn hẳn 2 nghiên cứu trước đó, nguyên nhân có thể do các em còn e ngại khi nhắc đến cụm từ “quan hệ tình dục” – điều mà ở lứa tuổi lớp 6, 7, 8 chưa thực sự hiểu rõ, do đó nhiều em không trả lời đúng câu hỏi này.

Kiến thức của học sinh về xử trí khi bị XHTD: Kết quả thu được từ nghiên cứu của chúng tôi về tỷ lệ học sinh có kiến thức xử trí đúng “Hét to: Không!” và “Rời khỏi” lần lượt là 70,2%; 79,1%, không khác biệt nhiều so với nghiên cứu của Alicia Hurtado (2014, El Salvador) là 73%.<sup>13</sup> Tuy nhiên, tỷ lệ học sinh chọn “Chia sẻ lại” trong nghiên cứu của chúng tôi lại cao hơn rất nhiều (73% với 12%).<sup>13</sup> Giải thích cho sự khác biệt có thể đến từ thời điểm nghiên cứu, vấn đề XHTD trẻ em gần đây được xã hội và gia đình quan tâm nhiều hơn, ĐTNCC có thể đã được cung cấp kiến thức và có hiểu biết hơn.

Thái độ của học sinh về XHTD trẻ em: Nhìn chung thái độ của học sinh đối với 08 quan điểm về XHTD trẻ em đưa ra là khá tốt thể hiện qua tỷ lệ học sinh có thái độ đúng chiếm tỷ lệ từ 48% đến 88,7%. Thái độ đúng của ĐTNC đối với quan điểm “Thủ phạm XHTD trẻ em là người lạ” kết quả thu được trong nghiên cứu của chúng tôi (nữ 63,7%, nam 49,2%) tốt hơn rõ rệt so với nghiên cứu của Chigozirim Nlewem (2016, tại Nigeria là 28,0%),<sup>14</sup> tuy nhiên lại thấp hơn so với nghiên cứu Farhiya A. Muse (2013, tại Mankato trên 316 sinh viên cao đẳng là 85,3%).<sup>17</sup> Đối với quan điểm “Chỉ có trẻ em gái mới là nạn nhân của XHTD”, tỷ lệ HS có thái độ đúng trong nghiên cứu của chúng tôi (nữ 87,3%, nam 73,7%) cao hơn so với khảo sát của tác giả Chigozirim Nlewem (58%) và thấp hơn trong khảo sát của Farhiya A. Muse (95,6%).<sup>14,17</sup> Quan điểm “Chỉ có trẻ em nghèo mới là nạn nhân của XHTD” có 90,2% học sinh nữ và 70,8% học sinh nam có thái độ đúng, thấp hơn so với kết quả nghiên cứu của Farhiya A. Muse (là 91%).<sup>17</sup> Sự cách biệt lớn về độ tuổi và trình độ học vấn của ĐTNC là nguyên nhân chính đưa đến sự khác biệt này.

Nghiên cứu còn cho thấy HS nữ có kiến thức về xử trí khi bị XHTD tốt hơn rõ rệt so với HS nam, khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ . Điều này không khó để lý giải, trẻ em nữ thường dậy thì sớm hơn trẻ em nam nên các em gái thường có suy nghĩ, nhận thức tốt hơn các em trai trong các vấn đề giới tính sinh sản.

## V. KẾT LUẬN

Học sinh trường THCS Yên Hòa, Hà Nội có thái độ đối với XHTD trẻ em khá tốt song kiến thức của HS về vấn đề này còn hạn chế, HS nữ có kiến thức đầy đủ và thái độ đúng về XHTD trẻ em nhiều hơn so với HS nam. Kết quả nghiên cứu là tư liệu để nhà trường xây dựng các chương trình giáo dục kiến thức –

thái độ cho HS về phòng chống XHTD trẻ em, trong đó chú trọng nâng cao kiến thức về nhận biết các hành vi XHTD không sờ chạm vào thân thể trẻ và cách xử trí khi bị trẻ XHTD.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. U.S Department of Health and Human Services AfCaF. Administration on Children, Youth and Families, Children's Bureau. *Child Maltreatment 2012*. Washington, DC. 2012.
2. McCrae JS, Chapman MV, Christ SL. Profile of children investigated for sexual abuse: association with psychopathology symptoms and services. *Am J Orthopsychiatry*. 2006; 76(4): 468 - 481. doi:10.1037/0002-9432.76.4.468
3. Yancey CT, Naufel KZ, Hansen DJ. The relationship of personal, family, and abuse-specific factors to children's clinical presentation following childhood sexual abuse. *J Fam Violence*. 2013; 28: 31 - 42.
4. Deblinger E, Thakkar-Kolar RR, Berry EJ, Schroeder CM. Caregivers' efforts to educate their children about child sexual abuse. A replication study. *Child Maltreat*. 2010; 15(1): 91 - 100. doi:10.1177/1077559509337408
5. Atara Danielle Hiller. Predictors of treatment outcome for a game-based cognitivebehavioral group treatment for children who have been sexually abused. 2013.
6. Australia WV. Child Sexual Abuse, an analysis of media case reporting Cambodia, Lao PDR, Thailand and Vietnam. 2011 - 2014.
7. Aziz MSAE, Ismail SS, Ahmed HM. Sexual abuse prevention program for school age children. *Am J Nurs Sci*. 2017; 6(1): 1 - 10.
8. Hébert M, Langevin R, Bernier M-J. Self-reported Symptoms and Parents' Evaluation of Behavior Problems in Preschoolers Disclosing Sexual Abuse. *Int J Child Youth Fam Stud*. 2013; 4: 467 - 483. doi:10.18357/ijcyfs44201312700
9. Đỗ Mai Oanh. Kiến thức, thái độ và hành



vi chăm sóc sức khỏe giới tính ở nữ sinh trường trung học cơ sở xã Liêm Hải huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. *Luận văn Thạc sĩ Y tế công cộng. Đại học Y Hà Nội*. 2015.

10. Dự án Lớn lên an toàn. Báo cáo đánh giá kiến thức của trẻ em được tập huấn về giới tính – phòng chống xâm hại tình dục chương trình lớn lên an toàn thực hiện từ tháng 7/2016 đến hết tháng 11/2017. Well- Hà Nội. 2017.

11. Chigozirim Nlewem, Olukemi K Amodu. Knowledge and Perception on Sexual Abuse Amongst Female Secondary School Students in Abia State Nigeria. *Res Humanit Soc Sci*. 2016; 6(17).

12. Ige OK, Fawole OI. Preventing child sexual abuse: parents' perceptions and practices in urban Nigeria. *J Child Sex Abuse*. 2011; 20(6): 695 - 707. doi:10.1080/10538712.2011.627584

13. Hurtado A, Katz CL, Ciro D, Gutfreund

D, Nosike D. Children's knowledge of sexual abuse prevention in El Salvador. *Ann Glob Health*. 2014; 80(2): 103 - 107. doi:10.1016/j.aogh.2014.04.004

14. Nlewem C, Amodu OK. Knowledge and Perception on Sexual Abuse Amongst Female Secondary School Students in Abia State Nigeria. *Res Humanit Soc Sci*. 2016; 6(7).

15. Jin Y, Chen J, Yu B. Knowledge and Skills of Sexual Abuse Prevention: A Study on School-Aged Children in Beijing, China. *J Child Sex Abuse*. 2016; 25(6): 686-696. doi:10.1080/10538712.2016.1199079

16. Dzimadzi R, Klopper H. Knowledge of sexual abuse amongst female students in Malawi. *Curationis*. 2007; 30. doi:10.4102/curationis.v30i3.1094

17. Muse FA. Selected college students' perceptions, knowledge and awareness of sexual abuse of children. 2013.

## Summary

### KNOWLEDGE AND ATTITUDE TOWARDS CHILD SEXUAL ABUSE AMONG STUDENTS AT YEN HOA SECONDARY SCHOOL, HANOI IN 2018

Study describes the knowledge and attitude towards child sexual abuse (CSA) among students at Yen Hoa Secondary School, Hanoi in 2018. A cross – sectional survey by using self – administered questionnaires was conducted. Results of the study showed that, of the 400 students who participated in the study: 33.5% of male students and 41.7% of female students got adequate knowledge about CSA behaviour; 36.8% of male students and 59.8% of female students got adequate knowledge about CSA prevention and 63.7% to 87.3% of female students and 47% to 73.7% of male students got adequate attitude towards CSA. Female students had better knowledge and attitude about CSA than male students ( $p < 0.05$ ). The students had such a good attitude whereas they lack knowledge about CSA so it is necessary to hold CSA prevention programs for students at Yen Hoa secondary school.

**Key words:** Child sexual abuse, econdary school, students, knowledge, attitude